

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - E
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2025
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung
2. Ông Phan Thanh Long

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đào Nguyên Quy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - E tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoà- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - E xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng A; số CCCD: 052197016613; sinh ngày 08/9/1997; Nơi thường trú: Thôn C, xã D, tỉnh E (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Trình B; số CCCD: 052098011669; sinh ngày 02/02/1998; Nơi thường trú: Thôn Kiều An, xã D, tỉnh E (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A trình bày: Chị và anh Nguyễn Trình B có thời gian tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã F, huyện D, tỉnh G (nay là xã D, tỉnh E) vào ngày 10/4/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại xã F (nay là xã D). Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nguyên

nhân là do chị và anh Nguyễn Trình B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Tháng 01/2023 chị và anh B không chung sống với nhau nữa, trong thời gian này vì thương con nên chị cho anh B nhiều cơ hội để vợ chồng sum họp nhưng anh B không thay đổi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trình B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/01/2019 hiện đang được chị A nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị A không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Trình B đã được Tòa án nhân dân khu vực 3 – E tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Trình B không đến Tòa làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân khu vực 3 - E.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Trình B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng A tiếp tục nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

3. Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên không giải quyết

4. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trình B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Trình B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Trình B có thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019, được UBND xã F, huyện D, tỉnh G (nay là xã D, tỉnh E) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn căng thẳng nên sống ly thân với nhau từ cuối năm 01/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trình B mặc dù biết Toà án đang thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng A nhưng không đến Toà án để đưa ra ý kiến, tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Qua xác minh cha ruột của anh B là ông Nguyễn Ngọc T xác định nguyên nhân vợ chồng Nguyễn Thị Hồng A, Nguyễn Trình B mâu thuẫn là do Nguyễn Trình B không lo làm ăn, ăn chơi phá tán tài sản gia đình, không quan tâm đến vợ con, cả hai không sống chung từ đầu năm 2023 cho đến nay. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B đã căng thẳng và thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Trình B là phù hợp với thực tế mâu thuẫn.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng A xác định vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/01/2019. Chị Nguyễn Thị Hồng A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét trong thời gian chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Trình B không sống chung, cháu Nguyễn Gia H được chị Nguyễn Thị Hồng A chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Gia H phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng A giao cháu Nguyễn Gia H cho chị Nguyễn Thị Hồng A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu anh Nguyễn Trình B cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý thì chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng A. Cho chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Trình B.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu anh Nguyễn Trình B cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005411 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh G (nay là Thi hành án dân sự tỉnh E).

5/ Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Trình B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án TAND tỉnh E;
- VKSND khu vực 3 - E;
- Phòng THADS khu vực 3 - E;
- UBND xã F, huyện D, tỉnh G (nay là xã D, tỉnh E)
(GCNKH số 33 ngày 10/4/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân V